

Bản án số: 18/2022/DS-ST
Ngày: 05/5/2022.
“V/v tranh chấp dân sự về hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phát Triễn.
2. Ông Nguyễn Duy Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Phát Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Phan Bích Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 05 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 326/2021/TLST-DS, ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp dân sự về hụi*” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thanh T, *sinh năm:* 1974.

Địa chỉ: 274B/TH, ấp TH, xã HT, huyện LV, tỉnh ĐT.

- Bị đơn: Trần Thị L, *sinh năm:* 1965.

Địa chỉ: 143/TLB, ấp TLB, xã TD, huyện LV, tỉnh ĐT.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Võ Văn Bé E, *sinh năm* 1965. *Địa chỉ:* 143/TLB, ấp TLB, xã TD, huyện LV, tỉnh ĐT.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa Nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T trình bày :*

Chị Nguyễn Thanh T có tham gia chơi hội do bà Trần Thị L làm chủ gồm ba (03) dây hội, hội mỗi tháng khui một lần (trong đó có 02 dây hội 2.000.000đồng và 01 dây hội 5.000.000đồng), mỗi dây chị T tham gia một phần. Cụ thể:

Dây hội 2.000.000 khui lần đầu ngày 10/9/2019 dl, có 20 hội viên. Dây hội này chị T tham gia 01 phần. Chị T đã đóng được 17 lần hội sống. Đến lần khui hội thứ 18 thì bà L không khui hội nữa. Cụ thể như sau:

$17(\text{lần hội sống}) \times 1.540.000\text{đ} = 26.180.000 \text{ đồng.}$

Bà L hưởng hoa hồng là cho mỗi lần khui hội là 800.000 đồng.

Dây hội 5.000.000 khui lần đầu ngày 10/01/2020 dl, có 20 hội viên. Dây hội này bà T tham gia 01 phần. Chị T đã đóng được 01 lần hội sống số tiền là 3.850.000đ. Đến lần khui hội thứ 02 thì bà L không khui hội nữa.

Bà L hưởng hoa hồng là cho mỗi lần khui hội là 2.000.000 đồng.

Dây hội 2.000.000 khui lần đầu ngày 10/9/2019 DL, có 20 hội viên. Dây hội này chị T tham gia 01 phần. Chị T đã đóng được 17 lần hội sống. Đến lần khui hội thứ 18 thì bà L không khui hội nữa. Cụ thể như sau:

$17(\text{lần hội sống}) \times 1.540.000\text{đ} = 26.180.000 \text{ đồng.}$

Bà L hưởng hoa hồng là cho mỗi lần khui hội là 800.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng 03 dây hội chị T đã đóng cho bà Lợi số tiền là 56.210.000đồng (năm mươi sáu triệu hai trăm mười ngàn đồng)

Nay chị Nguyễn Thanh T yêu cầu bà Trần Thị L cùng ông Võ Văn Bé E (chồng bà L) cùng có nghĩa vụ trả số tiền hội còn nợ lại chị T là 56.210.000đồng (năm mươi sáu triệu hai trăm mười ngàn đồng), không yêu cầu trả lãi. Chị T yêu cầu trả một lần hoặc có thời gian trả cụ thể và yêu cầu Tòa ghi nhận việc thời gian cụ thể trả nợ của bà L.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa Bị đơn bà Trần Thị L trình bày:*

Bà L xác định chị Nguyễn Thanh T có tham gia các phần hội do bà L làm chủ hội. Các giấy hội của chị T cung cấp là đúng với các dây hội do bà L làm chủ hội và chị T là hội viên và số tiền chị T đã đóng hội như chị T trình bày là đúng.

Nay chị Nguyễn Thanh Tyêu cầu bà Trần Thị Lợi cùng ông Võ Văn Bé E (chồng bà L) cùng có nghĩa vụ trả số tiền hội còn nợ là 56.210.000đồng, không yêu cầu trả lãi. Bà Trần Thị L đồng ý trả số tiền hội còn nợ là 56.210.000đồng (năm mươi sáu triệu hai trăm mười ngàn đồng) . bà L không đồng ý trả nợ 1 lần và có thời gian trả nợ cụ thể như chị T yêu cầu vì hiện nay bà L nợ nhiều người bà L sẽ trả nợ theo khả năng của bà L.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn Bé E trình bày:

Ông Bé E và Bà L là vợ chồng, quá trình chung sống bà L có làm chủ hội bà chị T có tham gia phần hội như chị T đã trình bày trên là đúng đến nay bà L còn nợ lại chị T số tiền là 56.210.000đồng, ông Bé E là chồng bà L, việc bà L làm chủ hội ông Bé E biết và thống nhất và trong quá trình diễn ra việc khai hội ông Bé E cũng có nhận tiền đóng hội của các hội viên thay bà L. Nay ông Bé E thống nhất ý kiến của bà L và cùng với bà L trả số nợ trên cho chị T theo yêu cầu của chị T và không có ý kiến trình bày gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung phát biểu tại phiên tòa: về việc tuân theo pháp luật của của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng; về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà L và ông Bé E cùng có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền 56.210.000đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên về án phí, quyền kháng cáo, thi hành án theo quy định pháp luật.

Kiến nghị: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày và yêu cầu của các đương sự tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thanh T khởi kiện tranh chấp về đòi nợ hội với bị đơn là bà Trần Thị L nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp dân sự về hội” theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 471 Bộ Luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn trong vụ án là bà Trần Thị L có hộ khẩu thường trú tại ấp Tân Lộc B, xã Tân Dương, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng T theo quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thanh T cho rằng hành vi chiếm đoạt tiền hội của bà L đối với chị T có dấu hiệu tội phạm và yêu cầu Tòa án chuyển yêu cầu của chị T đến Công an huyện LV để điều tra làm rõ, Tòa án nhân dân huyện LV đã ban hành văn bản và chuyển yêu cầu của chị T

đến Công an huyện LV để điều tra làm rõ theo thẩm quyền sau khi xác minh làm rõ Công an huyện LV đã ban hành văn bản số: 172/TL-CAH-ĐTTH ngày 07/3/2022 trả lời kết quả điều tra xác minh yêu cầu của chị T: "...việc tổ chức chơi hụi của bà Trần Thị L không có dấu hiệu của tội phạm" nên Tòa án nhân dân huyện LV tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thanh T yêu cầu bà Trần Thị L và ông Võ Văn Bé E cùng có nghĩa vụ trả lại cho chị T số tiền nợ hụi là 56.210.000đồng

Chị T khởi kiện bà Trần Thị L và ông Võ Văn Bé E đòi nợ hụi và chị T đã nộp các tài liệu chứng cứ là các giấy hụi để chứng minh cho việc khởi kiện của chị T là có căn cứ, trong quá trình tiến hành tố tụng vụ án và tại phiên tòa bà L và ông Bé E cũng thừa nhận có làm chủ hụi và chị T là hụi viên hiện nay bà L còn nợ lại chị T số tiền là: 56.210.000đồng như chị T trình bày và yêu cầu là đúng. Do phía bị đơn thừa nhận nợ và các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn nộp nên thuộc trường hợp các bên đương sự không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại biên bản hòa giải ngày 05/4/2022 giữa chị T bà Lợi ông Bé E đã thống nhất số tiền nợ nhưng chị T không đồng ý hòa giải mà yêu cầu Tòa án đưa vụ án ra xét xử nên Tòa án nhân dân huyện LV không lập biên bản hòa giải thành được vì các đương sự không thỏa thuận được toàn diện vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay chị T, bà L, ông Bé E cũng thống nhất số tiền nợ là 56.210.000đồng (năm mươi sáu triệu hai trăm mười ngàn đồng) nhưng chị T yêu cầu bà L và ông Bé E phải có thời gian trả cụ thể bà L và ông Bé E không đồng ý vì bà L thiếu nợ nhiều người nên bà L sẽ trả nợ theo khả năng của bà L.

Xét yêu cầu của chị T về việc yêu cầu bà L và ông Bé E phải trả nợ trong thời gian cụ thể và ghi vào bản án là không có căn cứ vì Tòa án chỉ giải quyết việc khởi kiện đòi số tiền nợ hụi của chị T nếu việc khởi kiện của chị T có căn cứ pháp luật thì được Hội đồng xét xử chấp nhận còn việc cách thức, thời gian trả nợ khi nào bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thuộc thẩm quyền của Cơ quan thi hành án dân sự.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu đòi nợ của chị T đối với bà L và ông Bé E số tiền 56.210.000đồng (năm mươi sáu triệu hai trăm mười ngàn đồng) số tiền này bà L và ông Bé E đều thừa nhận và đồng ý trả là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của chị T được chấp nhận nên chị T không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà L và ông Bé E bị buộc thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về “họ, họ, hui, biêu, phường”.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh T.

Buộc bà Trần Thị L và ông Võ Văn Bé E cùng có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thanh T số tiền 56.210.000đồng (năm mươi sáu triệu hai trăm mười ngàn đồng).

[2] Về án phí, tạm ứng án phí:

Buộc bà Trần Thị L và ông Võ Văn Bé E cùng có nghĩa vụ nộp 2.810.000đ tiền án phí sơ thẩm dân sự.

Chị Nguyễn Thanh T được nhận lại 1.405.500 tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 28/10/2021 theo biên lai thu số 0005802 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 05/5/2022.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- Chi cục THADS huyện LV;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Bích Thủy

